

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ GIÀ LÀNG, NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG CỘNG CỐ, XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Nguyễn Văn Thắng

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trịnh Minh Ngọc Linh

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta về vai trò của già làng và người có uy tín trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Nội dung chuyên luận một lần nữa nhấn mạnh quan điểm đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh toàn dân là kim chỉ nam cho mọi thành công của cách mạng Việt Nam mà tư tưởng ấy đã được Bác chỉ rõ, được Đảng và Nhà nước ta kế thừa, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp trong thực tiễn đổi mới đất nước ta hiện nay. Đồng thời, làm rõ những khái niệm công cụ, như già làng, trưởng thôn, người có uy tín, đại đoàn kết dân tộc, hội đồng già làng, thầy xử kiện, ... để làm nổi bật hơn nữa những giá trị của thiết chế xã hội truyền thống nhằm bảo tồn và phát huy trong kỉ nguyên mới – kỉ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ khóa: Quan điểm, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta, già làng, người có uy tín.

Nhận bài ngày 10.11.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.12.2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Văn Thắng; email: nguyenvanthang.hcma@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Già làng và người có uy tín là những thiết chế xã hội truyền thống được xác lập bởi: (i) Uy quyền truyền thống hình thành do dòng chảy lịch sử của tộc người, (ii) Uy quyền pháp lý, hợp lý có được từ sự chấp nhận mặc nhiên của cộng đồng trong bối cảnh lịch sử phù hợp và (iii) Uy quyền thiên phú hình thành từ chính đức độ, uy tín của con người đó [1]. Các thiết chế xã hội truyền thống này tồn tại qua quá trình phát triển lịch sử, đến nay, các thiết chế vẫn còn vai trò, vị trí quan trọng trong đời sống cộng đồng, nhất là các tộc người thiểu số cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, ... Họ là biểu tượng của cộng đồng về sự hiểu biết các giá trị văn hóa sinh thái nhân văn, là đại diện của người dân để giao tế với thân linh, là trung tâm của việc tập trung, cố kết, cộng sinh của đoàn kết, sinh tồn trong cộng đồng.

Ngay từ khi mới thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ quan điểm của mình trong việc kêu gọi, tập hợp, tổ chức đội ngũ già làng và người có uy tín nhằm củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc hướng tới mục tiêu tạo ra sức mạnh đại đoàn kết dân tộc để xây dựng đất nước tự do, giàu mạnh và hạnh phúc cho mọi người dân. Tiếp thu quan điểm của Người, Đảng và Nhà nước ta luôn nhận thấy vai trò quan trọng của đội ngũ già làng và người có uy tín trong các hoạt động phát triển đất nước. Đảng ta luôn coi trọng, tôn vinh vai trò của đội ngũ già làng và người có uy tín, xem họ là những điểm kết nối giữa chính quyền, đoàn thể với cộng đồng nhân dân nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc cùng nhau hướng tới giải phóng dân tộc, ổn định đời sống người dân và xây dựng xã hội Việt Nam giàu mạnh.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về vấn đề này đã có rất nhiều học giả quan tâm, nhiều công trình được xuất bản dựa trên quan điểm, chủ trương của Bác, của Đảng và Nhà nước ta trong các giai đoạn phát triển xã hội khác nhau và nhất là thông qua Nghị quyết của các kỳ đại hội đảng. Song, đây vẫn là vấn đề lý thú thu hút nhiều nhà nghiên cứu, nhiều thế hệ tìm tòi và làm sáng thêm quan điểm của Người và Đảng ta trong bối cảnh mới. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến như: Phan Hữu Dật (2004), *Xác định khái niệm các thuật ngữ Già làng, Trưởng bản, Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta*, Đề tài Khoa học cấp bộ, năm 2004; Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu (2001), *Luật tục Ê Đê (tập quán Pháp)*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội; Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Hội đồng dân tộc của Quốc hội - khóa X (2000), *Chính sách Pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội; Hồ Chí Minh (2000), *Về các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;... Nhìn chung, các tác giả đã tiếp cận vấn đề này ở nhiều góc độ khác nhau, nhiều phương pháp khác nhau đã làm giàu cho kho tàng kiến thức về chủ đề này. Bài viết cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước và làm sáng rõ hơn quan điểm của Bác, Đảng và Nhà nước ta về già làng và người có uy tín trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành nhân học/dân tộc học, trong đó tập trung vào một số phương pháp cụ thể như: thu thập tài liệu thứ cấp về nhân học, văn hóa học, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu đã có về dân tộc, văn hóa, giáo dục. Đồng thời, bài viết cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước đã công bố, qua đó làm rõ khái niệm, quan điểm của Bác, Đảng và Nhà nước ta về già làng và người có uy tín trong bối cảnh mới hiện nay.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Một số khái niệm cơ bản

Già làng: Theo Đại từ điển Tiếng Việt của tác giả Nguyễn Như Ý, “Già làng là người cao tuổi ở trong bản đồng bào dân tộc ít người” [2]. Theo Phan Hữu Dật, già làng là thuật ngữ thường được dùng để chỉ một cá nhân cao tuổi hay một lớp người già ở các buôn làng dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời ở vùng rừng núi Trường Sơn – Tây Nguyên [3]. Trong mỗi cộng đồng, già làng luôn thuộc lớp người cao tuổi nhất, hiểu biết phong tục tập quán và luật tục dân tộc nhiều, có kinh nghiệm sống và sản xuất, đạo đức tốt, có nhiều cống hiến, quan tâm đến cộng đồng, vì thế, trong mọi xã hội, đặc biệt là trong xã hội tiền giai cấp, khi con người sống theo phong tục tập quán và luật tục thì già làng luôn được tôn trọng. Già làng như cái trục chính hay bộ phận đầu não của guồng máy hoạt động đa năng nhằm bảo đảm cho đời sống cộng đồng làng bình ổn theo nề nếp vốn có, và sự thật, tuổi già là tiêu chuẩn trước tiên để có thể làm thủ lĩnh, dù không cứ phải là người cao tuổi nhất [4]. Già làng là tổng hợp ý thức của hai khái niệm: cá nhân và cộng đồng. Cá nhân được sàng lọc nghiêm ngặt như: tuổi tác, kinh nghiệm, sự tín nhiệm,... được tập thể cộng đồng tôn vinh [5].

Hội đồng già làng là thuật ngữ chỉ nhóm người già có uy tín ở thôn làng, họ là những người đàn ông cao tuổi, thường đại diện cho các dòng họ trong thôn làng mà tiếng Xtiêng thường gọi là *tom wang mpai*, tiếng Ê-đê, Gia-rai gọi là *klâng kie kreh*, tiếng Ba-na gọi là *nu kră plei*,... Hội đồng già làng là hình thái cổ xưa trong việc quản lý buôn làng, nó tồn tại

trước sự quản lý buôn làng do một cá nhân là chủ làng [6]. Mỗi khi trong làng có việc hệ trọng như: bệnh dịch, mất mùa, đánh nhau,... chủ làng họp các già làng để thảo luận và tham vấn. Ý kiến của các già làng được chủ làng tôn trọng, nhưng quyết định cuối cùng vẫn thuộc chủ làng. Nhưng thuật ngữ Hội đồng già làng cần được hiểu một cách linh hoạt, không theo một ý nghĩa chặt chẽ của thuật ngữ hiện đại [7]. Điều này có thể thấy qua trường hợp người Xtiêng, nếu trong làng có vấn đề lớn cần xin ý kiến thì *tom poh* cùng các *tom yau*, *bu kuông* và đôi khi cả *mê prak* họp và đưa ra quyết định, tuy nhiên, đây không phải là một Hội đồng già làng, mà theo cách nói của Phan An, đây là những người tham dự và cơ cấu quản lý truyền thống của *poh* (làng) [8].

Chủ đất, người S'tiêng gọi là *tom teeh*, người Ê-đê, Gia-rai gọi là *pô lăn*, người Mnông gọi là *rnút*, người Coho gọi là *chau quăng bri*, người Ba-na gọi là *tom bri*,... nhiệm vụ chung của họ là thay mặt buôn làng trông nom quản lý đất, rừng của cộng đồng theo phong tục và luật tục ngàn xưa để lại. Mỗi làng đều có một thầy cúng, là người già, người S'tiêng gọi là *mê park*, người Ê-đê gọi là *pô riu yang* hay *pagê*, người Mnông gọi là *kuol liang* hay *ve bri*, người Ba-na gọi là *tom yang* hay đôi khi gọi là *pojău*, được coi là có khả năng kỳ lạ, làm cầu nối giữa con người với thần linh và với thế giới các yang, ma. Nhiệm vụ của thầy cúng là giúp chủ làng và thay mặt cộng đồng khấn lễ mời gọi thần linh về thụ hưởng, phù hộ cho dân làng trong các lễ thức cộng đồng.

Người xử kiện có ở các dân tộc phía nam Tây Nguyên, tiếng S'tiêng gọi là *k'draanh*, tiếng Ê-đê, Gia-rai gọi là *pô phát kđi*, tiếng Mnông gọi là *nê pa kđoi*, có chức năng giúp chủ làng trong việc xét xử các vụ việc vi phạm luật tục. Theo nguyên tắc, mỗi dòng họ có một *pô phát kđi*, cũng đồng thời là trưởng dòng họ *đam dêi* nên trưởng họ và người xử kiện có thể được gọi chung bằng thuật ngữ ghép *đam dei pô phát kđi*. Mỗi *pô phát kđi* thay mặt dòng họ tranh tụng cho người trong họ của mình. Một số phẩm chất quan trọng hàng đầu của người xử kiện là có trí nhớ tốt, hùng biện và nắm vững *duê klei bhiăn* (luật tục dân tộc).

Trong hệ thống thiết chế tự quản buôn làng, không thể không nhắc đến vai trò của người *chủ bến nước*, người S'tiêng gọi là *nom k'tuc dăk* và *pô pin ea* ở người Ê-đê. Như đã nói, người chủ bến nước ở buôn làng người Ê-đê cũng đồng thời là người thuộc dòng họ khai sinh thành lập của mỗi làng, bởi yếu tố đầu tiên cần xem xét để có thể lập buôn làng mới là có nguồn nước ăn và sinh hoạt. Đa số chủ bến nước ở các buôn làng Ê-đê thuộc dòng họ Niê. Nhiệm vụ của chủ bến nước là trông nom, quản lý điều hành việc sử dụng nguồn nước và cúng lễ nguồn nước, tài nguyên quan trọng và thiết yếu nhất của đời sống sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng. Chính do vai trò quan trọng hàng đầu này mà chủ bến nước ở đa số các buôn làng Ê-đê trở thành người đầu làng hay chủ làng.

Trưởng thôn là người đứng đầu một thiết chế tự quản của một thôn. Khái niệm này thường được sử dụng với những tộc người ở vùng đồng bằng, nhất là người Kinh. Họ chịu sự lãnh đạo của cấp uỷ về việc thực hiện các công tác do Đảng uỷ, Uỷ ban Nhân dân xã giao cho, trưởng thôn thường có phó trưởng thôn giúp việc. Họ cũng thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp của chính quyền, tuy nhiên, tùy từng nơi, từng khu vực khác nhau mà mức trợ cấp cho vị trí này cũng khác nhau. Trưởng thôn có vai trò quan trọng được xem là cánh tay nối dài của chính quyền cấp cơ sở. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng và hỗ trợ xứng đáng để đội ngũ ban tự quản cấp thôn làng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao của mình.

Trưởng họ là người con trai thuộc chi cao nhất trong một dòng họ, ở hầu hết các tộc người, điều này không thay đổi. Là người coi sóc công việc chung của một dòng họ như: giỗ họ, tang ma, cưới xin, thờ cúng họ,... là người có tiếng nói quan trọng nhất trong họ nên người này rất được trọng vọng, họ còn là người thông ngôn với các thần thánh nhằm

đem lại những điều tốt lành cho dòng họ mình. Với sự thành kính nhất dành cho vị trưởng họ, có những tộc người, lễ suy tôn trưởng họ là một lễ thức vô cùng quan trọng trong đời sống của cộng đồng, như người Lô Lô, Mảng, Kháng, Hmông,... Trưởng họ là người có toàn quyền quyết định những vấn đề của họ tộc.

Người có uy tín. Hiện nay đang tồn tại khái niệm *người có uy tín*, nhưng khái niệm đầy đủ được ghi trong Nghị quyết của Đảng về vấn đề dân tộc là “*người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương*” [7] nhưng trong triển khai thực hiện của các cấp, ngành và đặc biệt là khi tổ chức hoạt động tại cơ sở chúng ta luôn gọi là “*người có uy tín*”. Tuy vậy, hiểu nội hàm hai khái niệm này về cơ bản là không khác nhau. Theo Hoàng Lương, người có uy tín và tiêu biểu ở đây không phải là người có thế lực về chính quyền mà là những người có hiểu biết một cách thấu tình đạt lý, người có khả năng về các loại công việc cụ thể và người có tâm (tốt bụng) [8]. Giữa già làng và người có uy tín trong cộng đồng có sự khác biệt. Người có uy tín trong cộng đồng là một người hoặc một nhóm người gồm nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có già làng. Già làng luôn là người có uy tín nhưng người có uy tín thì có thể không phải là già làng. Người có uy tín có thể là già làng, trưởng thôn làng, bí thư chi bộ, cán bộ về hưu, chức sắc tôn giáo,... Như vậy, khái niệm người có uy tín được xem là rộng hơn và bao hàm cả khái niệm già làng, còn khái niệm già làng không bao hàm hết được khái niệm người có uy tín.

Luật tục hay tập quán pháp (*customary laws, local laws, traditional law*) là một hiện tượng xã hội phổ biến của nhân loại ở thời kỳ phát triển tiền công nghiệp và còn tồn tại đến ngày nay với những mức độ khác nhau ở nhiều tộc người trên thế giới, nhất là ở châu Á và châu Phi. Các nhà khoa học coi luật tục là một kho tàng trí thức tại chỗ về ứng xử và quản lý cộng đồng. Tuy nhiên, ở đó còn chứa đựng những giá trị nhiều mặt: ngôn ngữ và tư duy, bản sắc và văn hóa, văn học và chữ viết, tôn giáo tín ngưỡng [9]. Chúng tôi cho rằng, luật tục là những quy phạm ứng xử được hình thành trong quá trình sống của con người, được cộng đồng mặc nhiên công nhận và tuân thủ tự giác truyền từ đời này qua đời khác. Già làng và người có uy tín đã vận dụng luật tục linh hoạt trong thực tiễn để tổ chức, quản lý và vận hành đời sống thôn làng góp phần làm tăng hiệu quả trong hoạt động của mình. Mọi quyết định của già làng, người có uy tín đều bám sát những điều răn của luật tục. Nổi tiếng nhất về luật tục trong không gian văn hóa Tây Nguyên là luật tục của các dân tộc Ê-đê, Mnông, Ba-na, Gia-rai, S'tiêng,... các tộc người khác cũng có luật tục nhưng phải thừa nhận rằng, luật tục của họ chưa sâu sắc và đậm nét bằng các tộc người nêu trên. Trong tiếng S'tiêng luật tục gọi là *pac jã pac yau*, tiếng Ê-đê gọi là *duê klei bhiăn*, trong tiếng Mnông, tùy từng nhóm mà luật tục được gọi khác nhau như: *no ngoi đoi*, *duê đoi*, *nau ndrìng*, *ndrìng phát đoi*, *kđoi*,... còn trong tiếng Ba-na, luật tục gọi là *khoi roắt*. Chính vì sự nổi tiếng và tính tiêu biểu mà Luật tục Ê-đê là luật tục đầu tiên được giới thiệu bởi nhiều học giả ngoài nước và trong nước, mà khởi xướng là viên công sứ Pháp L. Sabatier với công trình *Klei duê klei bhiăn kđi* (Tập quán pháp ca) xuất bản năm 1926. Luật tục Ê-đê có trên 230 điều, Luật tục Mnông có 215 điều quy định hành vi của con người trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống như hôn nhân, sở hữu tài sản, vai trò của người có uy tín, quản lý, bảo vệ đất, rừng và môi trường sống,... nó là hướng tới thiết lập và giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người (mối quan hệ kinh tế, xã hội) và mối quan hệ giữa con người với đất, rừng, với tự nhiên (mối quan hệ giữa con người với môi trường sống). Điểm rõ nhận thấy nhất trong cách xử phạt trong luật tục thường hướng tới việc răn đe triệt để những hành vi vi phạm ở những lần sau thông qua xử phạt và tạ lỗi. Mọi tội lỗi được cộng đồng xử phạt và người bị phạt phải thực hiện công khai trong cộng đồng, sau khi chịu phạt, người đó phải tạ lỗi với thần linh vì những hành động bất kính của mình. Ngoài vai trò như là luật pháp nhằm duy trì trật tự xã

hội, Luật tục chứa đựng trong nó nhiều giá trị khác như giá trị lịch sử xã hội tộc người, giá trị văn hoá tộc người, giá trị bách khoa về tri thức dân gian tộc người. Luật tục còn được nhận thức dưới góc độ tri thức dân gian, nó là kho tàng tri thức được tích lũy trong đời sống tộc người và trải qua quá trình sàng lọc hàng thế kỷ, trong đó, nổi bật và có giá trị hết sức to lớn là tri thức về hai mảng xã hội và tự nhiên của con người. Trên bình diện khoa học, Luật tục các tộc người thiểu số phản ánh đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá và mối quan hệ giữa con người với nhau, giữa con người với môi trường sống.

Khối đại đoàn kết dân tộc được hiểu là sự liên kết, gắn bó giữa các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, giai cấp trong xã hội Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cùng nhau tạo ra một khối thống nhất nhằm xây dựng dân tộc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2.3.2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về già làng và người có uy tín

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về già làng, người có uy tín là rất rõ ràng và thấm đượm giá trị nhân văn sâu sắc. Những tư tưởng ấy luôn thấm đẫm sự đoàn kết, tình con người và tình dân tộc. Mọi quan điểm của Người luôn nhằm hướng tới giá trị nhân văn cao cả, hướng con người tới chân, thiện, mỹ. Để có thành quả cách mạng như ngày hôm nay cần phải nói tới vai trò và vị trí của các già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Ngay từ khi Cách mạng còn non trẻ, việc phát huy sức mạnh toàn dân, đặc biệt là vai trò của các vị già làng để chống lại các thế lực thù địch đã được Cách mạng nước ta quan tâm. Bác luôn ý thức rõ về vai trò quan trọng của các vị già làng và những người có uy tín trong dân tộc. Do vậy, khi hoạt động cách mạng ở vùng cao, Bác thường mang bí danh "Già Thu" hay "Cụ Thu Sơn" trong những năm hoạt động ở Pắc Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; "Ông Ké" khi hoạt động ở xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang,... Đây chưa hẳn là những biệt danh mà là sự hài hòa trong cách ứng xử của Bác đối với những bậc lão hạng trong dân tộc và ở địa phương, bên cạnh đó, cách xưng hô như vậy chính là cách nhìn thấm đẫm tình thân nhân văn của Bác về già làng và người có uy tín, nó xóa nhòa ranh giới một người lạ và người dân tại chỗ, tôn trọng tuyệt đối cách ứng xử của người dân và nó cũng cho thấy quan điểm của Người trong việc tôn trọng phong tục, tập quán địa phương về thái độ trọng xỉ của người dân. Và, nó cũng phù hợp với bối cảnh kháng chiến mà Người là trung tâm của sự anh minh, trí tuệ.

Trong thư gửi đồng bào các tỉnh Việt Bắc, ngày 19 tháng 8 năm 1947 biểu dương công lao của nhân dân các dân tộc nơi đây, trong đó có đóng góp của các vị già làng. Người viết *"Việt Bắc xưa kia là căn cứ của cách mệnh, đã nổi tiếng khắp cả nước, khắp thế giới. Thì ngày nay, Việt Bắc phải thành căn cứ của kháng chiến, để giữ lấy cái địa vị và cái danh giá vẻ vang của mình"* [3]. Không chỉ ở các tỉnh trong khu vực Việt Bắc, các khu vực khác trong kháng chiến các già làng cũng đóng góp công sức và sự hy sinh to lớn, có thể kể ra đây các tấm gương anh dũng là các vị già làng, như: Anh hùng Núp (Ba-na), Bi Năng Tắc; Siu Bleh (Gia Rai), Nơ Trang Long (M'ông).

Trong kháng chiến cũng như trong xây dựng đời sống Bác luôn chú ý tới mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt coi trọng những người được nhân dân tín nhiệm. Khi vận động quần chúng nhân dân bác viết: *"Chưa vận động quần chúng cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số, thường chỉ tuyên truyền hời hợt bề ngoài, hoặc chỉ chú ý lôi kéo thổ ty, lang đạo. Trái lại cũng có những nơi chỉ chú trọng vận động quần chúng đấu tranh chống thổ ty, lang đạo mà không chú ý lôi kéo tầng lớp này để mở rộng đoàn kết kháng chiến"* [10]. Như vậy, Bác đã nhìn thấy sức mạnh to lớn trong việc tổ chức, tập hợp đội ngũ già làng và người có uy tín ở trong vùng tộc người thiểu số. Thông qua đội ngũ này để tập hợp sức mạnh quần chúng là

một cách làm phù hợp và hiệu quả không chỉ trong bối cảnh kháng chiến mà còn cả trong thời đại ngày nay.

Trong thư gửi đồng bào các dân tộc thiểu số ở Thanh Hóa, ngày 21 tháng 2 năm 1947, Bác viết *"Tôi chắc đồng bào thượng du đều ra sức đoàn kết chuẩn bị tham gia giết giặc cứu quốc để giữ vững quyền thống nhất độc lập cho Tổ quốc. Việc diu dắt đồng bào thượng du, tôi trông cậy lòng ái quốc và sự hăng hái của các vụ lang đạo"* [3]. Không chỉ quan tâm tới cung tới những người có uy tín ở các tộc người, Bác còn thường xuyên gửi thư khen ngợi, động viên cụ thể và trực tiếp tới những người có uy tín đạt thành tích và ghi công lao lớn, như: thư gửi Ông Đình Công Phủ là lang đạo, vùng Mai Đà, Lương Sơn, Hòa Bình, ngày 1 tháng 7 năm 1947. Trong thư có đoạn viết *"Đồng bào họ Đình đã nêu lên khẩu hiệu ái quốc và oanh liệt là: "Họ Đình thề không đội trời chung với giặc Pháp". Tôi lại được tin rằng: Lúc giặc Pháp xâm lược vào tỉnh Hòa Bình, ông đã tận tâm giúp việc kháng chiến chống giặc. Vậy tôi thay mặt Chính phủ gửi lời khen ông và đồng bào họ Đình, và tặng ông một bức ảnh làm kỷ niệm thân ái"* [11].

Trong thư Bác gửi Đại hội các Dân tộc thiểu số miền Nam tại PlâyCu ngày 19 tháng 4 năm 1946, Bác viết *Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau. Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giao liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta. Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đầy đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có "Nha dân tộc thiểu số" để săn sóc cho tất cả các đồng bào. Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta.* Đây chính là lời khẳng định danh thép về tinh thần đoàn kết coi tất cả các tộc người ở Việt Nam là một dân tộc cùng chung sống dưới mái nhà Việt Nam, không phân chia là người Ê-đê, Gia-rai, Ba-na,... đồng thời, nó cũng chính là tư tưởng của Bác về già làng và người có uy tín trong việc đoàn kết tộc người, đoàn kết dân tộc trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết nhân dân. Tư tưởng của Người về vai trò của già làng và những người có uy tín là nhất quán, xuyên suốt trong mọi hành động và việc làm. Người luôn đặt niềm tin vào đội ngũ già làng và người có uy tín – họ chính là những hạt giống đỏ trong việc gương cao ngọn cờ tập hợp và đoàn kết quần chúng ở các thời kì khác nhau.

2.3.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta

Đảng và Nhà nước ta vẫn tiếp tục có những chủ trương, chính sách hướng về người dân, về già làng, người có uy tín nhằm đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu tốt đẹp hơn như tinh thần Văn kiện Đại hội Đảng qua các thời kì. Từ quan điểm, chủ trương của Đảng đã được cụ thể trong các chính sách cụ thể của Nhà nước như: Chỉ thị số 05/BNV ngày 23 tháng 02 năm 1993, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an); Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008; Quyết định số 130/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011; Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011; Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011; Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10/01/2014; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018.

Có thể thấy rằng, Đảng ta đã có những quan điểm, định hướng rõ ràng về già làng và

người có uy tín trong cộng đồng và ở địa phương nhằm tôn vinh thiết này, điều đó thể hiện quan điểm rõ ràng về coi trọng vai trò của già làng và người có uy tín trong củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở địa phương, mà già làng và người có uy tín chính là hạt nhân, điểm tiếp xúc, kết nối và lan tỏa.

Ngày 1/2/2008, Thủ tướng chính phủ ban hành chỉ thị 06/2008/CT-TTg *Về việc phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc* [12]. Quyết định số 130/2009/QĐ-TTg ngày 2/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện. Nhằm đưa chỉ thị 06/2008/CT-TTg vào cuộc sống ở các vùng đồng bào tộc người thiểu số, ngày 2/11/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg *Về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số* trên phạm vi cả nước, tôn vinh và quy định một số chính sách đối với người có uy tín trong cộng đồng tộc người thiểu số.

Nhằm khắc phục những bất cập của Quyết định 18/2011, ngày 7/10/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg *Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số* [13]. Quyết định 56 đã bổ sung thêm một số điều khoản chi tiết hơn về đối tượng áp dụng, nguyên tắc, quy trình bình xét người có uy tín ở các cấp cũng như chế độ, chính sách cụ thể đối với người có uy tín. Để cụ thể hóa Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011[14] và Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của khoản 2 [15] của Quyết định này.

Để cụ thể hóa việc thực hiện các chủ trương, chính sách này, Ủy ban Dân tộc đã ra các công văn cụ thể đến các tỉnh nhằm hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện tại địa phương. Các văn bản cụ thể như: Công văn số 137/UBNDT-DTTS ngày 27/02/2014 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2014; Công văn số 327/UBNDT-DTTS ngày 10/4/2014 của Ủy ban Dân tộc về việc cấp báo Dân tộc và Phát triển đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Công văn số 471/UBNDT-DTTS ngày 19/05/2014 của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Ngày 31/12/2016 Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 2561/QĐ-TTg *Phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số”* [16]. Mục tiêu của Đề án là tăng cường vận động, phát huy vai trò và thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện tốt công tác dân tộc, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Như vậy, từ quan điểm chủ trương của Đảng, Nhà nước ta đã có hàng loạt các văn bản chỉ đạo, thông tư hướng dẫn,... để cụ thể hóa các quan điểm nhằm hướng tới nâng cao vai trò của già làng và người có uy tín trong bối cảnh thực tế hiện nay. Trong thực tế triển khai các văn bản, hướng dẫn,... đã dần đi vào đời sống người dân, vai trò vị trí của già làng và người có uy tín trong việc cổ kết cộng đồng ngày càng được nâng lên. Qua đó, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng, củng cố và bảo vệ đất nước ngày một vững chắc.

3. KẾT LUẬN

Trải qua diễn trình phát triển lịch sử dân tộc ta cho thấy, quan điểm của Bác, của Đảng và Nhà nước ta về già làng và người có uy tín trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

là đúng đắn và đã đạt được kết quả to lớn trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, và thể hiện rõ ở một số khía cạnh sau:

Một là: tính nhất quán được thể hiện rõ trong quan điểm của Bác, Đảng và Nhà nước ta về vai trò vị trí của già làng và người có uy tín trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Việc nhất quán luôn coi trọng già làng và người có uy tín trong các giai đoạn khác nhau của dân tộc được thể hiện rõ từ khi mới thành lập Đảng, đến các cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, Mỹ - Ngụy cho tới khi giành được độc lập và xây dựng đất nước,... thì quan điểm về già làng và người có uy tín vẫn không thay đổi, luôn coi trọng và xem họ là hạt nhân quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết nhân dân.

Hai là: Tính xuyên suốt được kế thừa, phát huy liên tục và không thay đổi về định hướng, mục tiêu qua các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước mà ở đó già làng và người có uy tín luôn được xem là hạt nhân kết dính của việc củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết tộc người, đại đoàn kết dân tộc.

Ba là: Quan điểm coi trọng già làng và người có uy tín luôn được thể hiện rõ trong các giai đoạn khác nhau của đất nước ta. Bác Hồ luôn xem già làng và người có uy tín là những bậc anh tuệ của buôn làng, bởi Người ý thức rõ họ chính là đại diện của cộng đồng mình trong mọi hoạt động. Với Đảng và Nhà nước ta, việc đánh giá cao, coi trọng đặc biệt và xem các thiết chế phi quan phương này là cầu nối giữa chính quyền và cộng đồng đã thể hiện rõ sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc của chúng ta.

Bốn là: Quan điểm xem già làng và người có uy tín là hạt nhân kết nối cộng đồng. Đây là cách nhìn nhận thỏa đáng và thể hiện sự trân trọng của Đảng và Nhà nước ta đối với thiết chế này, mặc dù họ không phải là những thiết chế quan phương mà chỉ người được cộng đồng suy tôn dựa trên uy tín, uy danh và sự minh triết của họ trong cuộc sống.

Năm là: Quan điểm khách quan được thể hiện rõ trong cách đánh giá và nhận định của Bác cũng như Đảng và Nhà nước ta về thiết chế này. Khách quan để thấy được công lao, đóng góp của họ vào việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc nhưng cũng khách quan để thấy được những hạn chế, thiếu sót của họ để bồi dưỡng, bổ trợ thêm kiến thức,... giúp họ cập nhật kiến thức làm tốt hơn nữa công tác kết nối cộng đồng, kết nối người dân, là cầu nối thiết thực giữa chính quyền và nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Max Weber (1864-1920), *Lý thuyết Uy quyền*, https://en.wikipedia.org/wiki/Three-component_theory_of_stratification
2. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Phan Hữu Dật (2004), *Xác định khái niệm các thuật ngữ Già làng, Trưởng bản, trong Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước*, Đề tài cấp bộ, Ủy ban Dân tộc.
4. Lưu Hùng (2004), *Già làng, Chủ làng, Hội đồng già làng trong xã hội truyền thống các dân tộc Tây Nguyên, trong Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước*, Đề tài cấp bộ, Ủy ban Dân tộc.
5. Linh Nga Niê Kdam (2007), *Già làng Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. Phan An (2007), *Hệ thống xã hội tộc người của người Stiêng ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
8. Hoàng Lương (2004), *Những người có uy tín, tiêu biểu trong xã hội truyền thống ở vùng Tây Bắc, Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước*, Đề tài cấp bộ, Ủy ban Dân tộc.

9. Ngô Đức Thịnh (2000), *Luật tục với việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, in trong “*Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hội đồng dân tộc của Quốc hội - khóa X (2000), *Chính sách Pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 38.
11. Hồ Chí Minh (2000), *Về các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Chỉ thị số 06/2008/CT – TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ Về phát huy vai trò người có uy tín ở đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
13. Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 7/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của thủ tướng chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
14. Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ Về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015.
15. Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2, Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015.
16. Quyết định số 2561/QĐ-TTg Ngày 31/12/2016 Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số”, Hà Nội.

THE PERSPECTIVE OF PRESIDENT HO CHI MINH, THE PARTY AND THE GOVERNMENT IN VIETNAM TOWARDS THE VILLAGE ELDER - A PRESTIGIOUS PERSON IN BUILDING THE GREAT NATIONAL UNITY

Abstract: *The article focuses on clarifying the views of President Ho Chi Minh, the Party, and the State of Vietnam regarding the role of village elders and reputable people in strengthening the great national unity. The paper emphasizes once again the viewpoint of national unity and the promotion of the collective strength of the people, which is the guiding principle for the success of the Vietnamese revolution. This thought has been articulated by Uncle Ho, inherited by the Party and the State, and flexibly and creatively applied in the practical context of the country's renewal today. At the same time, it clarifies concepts such as village elders, commune leaders, reputable people, national unity, the council of village elders, and the village arbitrator, in order to highlight the values of traditional social institutions that need to be preserved and promoted in the new era - the era of the nation's resurgence.*

Keywords: *Views, President Ho Chi Minh, Party, State, village elders, reputable people.*